

Số: 14/BC-HĐQT.MCF

Long An, ngày 11 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD 2014 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2015

PHẦN I KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

I-ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Bối cảnh chung năm 2014 được đánh giá là năm mà nền kinh tế thế giới cũng như trong nước có nhiều thuận lợi cho một số ngành kinh tế và cũng là năm vô cùng khó khăn cho ngành xuất khẩu thuộc lĩnh vực nông nghiệp trong đó có sản phẩm lương thực

Theo đánh giá của Chính phủ, năm 2014 tình hình kinh tế trong nước có nhiều chuyển biến tích cực trên hầu hết các lĩnh vực, nền kinh tế được ổn định hơn và Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế, giảm lãi suất vốn tín dụng, kích cầu tiêu dùng nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp hoạt động, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân 2,25% đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm qua.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, do nợ xấu tăng cao, cân đối ngân sách khó khăn; khó tiếp cận nguồn vốn; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh còn thấp; giá đầu vào của nhiều loại vật tư, nguyên liệu và giá các loại dịch vụ, vận chuyển, giao nhận còn cao, đó là nguyên nhân làm kiềm hãm sự hồi phục của nền kinh tế và của doanh nghiệp.

Theo nguồn tổng hợp của Cục Trồng trọt Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, năm 2014 toàn vùng Nam bộ, sản xuất nông nghiệp trong năm phát triển thuận lợi, sản lượng đạt gần 27,8 triệu tấn, tăng 0,916 triệu tấn, do năng suất tăng thêm 2,27 tạ/ha so với vụ năm 2013, điều này cho thấy việc chuyển đổi canh tác lúa sang cây trồng khác để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, tránh tình trạng được mùa lại mất giá như hiện nay và những năm gần đây, theo chủ trương của Bộ Nông Nghiệp chưa được như mong muốn.

Tình hình xuất khẩu lương thực, qua đánh giá của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam và Hiệp hội Lương thực Việt Nam, thị trường tiêu thụ lương thực năm 2014 hết sức khó khăn do lượng cung lớn hơn cầu, đã tạo nên sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước tham gia xuất khẩu, đặc biệt là Thái Lan dẫn đầu về xuất khẩu gạo trong năm với lợi thế gạo cũ tồn kho, giá rẻ và gạo đồ, cung cấp cho các thị trường Philippines, Indonesia, Trung Quốc và Châu Phi, đã tác động lớn đến xuất khẩu lương thực của Việt nam trong năm qua; theo tổng kết của Hiệp Hội thì sản lượng xuất khẩu năm 2014 giảm 7,81% so với cùng kỳ năm 2013.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty cũng đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn của thị trường trong từng thời điểm để chủ động, xây dựng các phương án kinh doanh và có những giải pháp phù hợp nhằm vượt qua khó khăn thực hiện hoàn thành nhiệm vụ năm 2014.

II-KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014.

1- Kết quả chung:

1.1- Kết quả các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2014:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014			So cùng kỳ 2013 (%)
			Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So KH năm (%)	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	650	826,252	127,11%	107,82%
2	Lợi nhuận Tr.thuế	Tỷ đồng	24	24,578	102,40%	96,46%
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo quy định	8,317		74,72%
4	Kim ngạch XK	1000USD		20,136		109,48%

1.2- Kết quả thực hiện sản lượng kinh doanh từng ngành hàng:

Stt	Diễn giải	ĐVT	Năm 2014			So cùng kỳ 2013 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH (%)	
I	Mua vào					
1	- Lương thực (quy gạo)	Tấn	45	53.473	118,83	95,66
II	Bán ra					
1	-Gạo các loại	Tấn	45.000	57.758	128,35	119,25
2	-Bao bì các loại	Triệu Cái	13	12,776	98,28	107,19
3	-XK Mỹ nghệ	Con't	30	32	106,66	98,46
4	-Cơ khí	Tỷ đg	70	75,43	107,76	59,69
5	-Bê tông tươi-VLXD	M3	30.000	43.525	145,08	144,82

2- Đánh giá từng mặt hàng.

2.1-Mặt hàng lương thực:

- Bán ra đạt: 57.758 tấn, đạt 128,35% KH năm và đạt 119,25% so năm 2013.

Trong đó:

+ XK ủy thác : 10.298 tấn, đạt 68,65% KH năm và đạt 116,49% so với 2013

+ XK trực tiếp: 25.793 tấn, đạt 184,23% KH năm và đạt 111,36% so với 2013

+ Gạo Nội địa: 21.667 tấn, đạt 135,41% KH năm và đạt 132,63% so với 2013.

Đối với xuất khẩu: Thị trường thế giới giao dịch trầm lắng, nguồn cung dư thừa mà nhu cầu lại giảm mạnh, do lượng gạo tồn kho của các nước xuất khẩu còn nhiều đã tạo ra sự cạnh tranh gay gắt, đặc biệt là lượng gạo cũ tồn kho lớn của Thái Lan và việc nước này hạ giá bán để giải phóng hàng tồn kho. Thị trường xuất khẩu gạo thương mại lớn nhất hiện nay của các doanh nghiệp Việt nam vẫn là Trung Quốc, việc xuất khẩu gạo sang Trung Quốc tiềm ẩn rất nhiều rủi ro và bị ép giá, nhưng đây vẫn là kênh tiêu thụ tốt để giải phóng hàng tồn kho của các doanh nghiệp Việt Nam và tình trạng này sẽ còn kéo dài trong nhiều năm tới. Hiệu quả từ xuất khẩu lương thực trong năm 2014 của Công ty chủ yếu là nhóm gạo thơm.

Đối với thị trường tiêu thụ trong nước: sản lượng tiêu thụ khá ổn định, mặc dù xuất khẩu gặp khó khăn, nhiều doanh nghiệp chuyển sang khai thác thị trường trong nước làm thị phần bị chia nhỏ, nhưng Công ty đã có hệ thống khách hàng ổn định trong nhiều năm qua nên không bị ảnh hưởng, riêng việc tiêu thụ sản phẩm gạo đóng

bịch có nhân mức thì sản lượng tiêu thụ có giảm sút do ngày càng nhiều đơn vị tham gia vào lĩnh vực này, thậm chí một số Metro và siêu thị đã tự chế biến đóng gói để bán với giá cạnh tranh hơn do không chịu các khoản phí chiết khấu và thuê quầy.

Mặc dù tiêu thụ lương thực năm 2014 gặp rất nhiều khó khăn và chịu sự cạnh tranh quyết liệt trong cả 2 thị trường nội địa và xuất khẩu, nhưng Công ty cũng đã nỗ lực vượt qua và hoàn thành được kế hoạch đề ra.

2.2. Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:

a)- Mặt hàng bao bì:

Bán ra 12,776 triệu chiếc, đạt 98,28 % so KH năm và đạt 107,19 % so 2013.

Tiêu thụ bao bì trong năm 2014 gặp nhiều khó khăn do giá hạt nhựa và chi phí vận chuyển đứng ở mức cao, đồng thời phải chịu ảnh hưởng trực tiếp từ khó khăn trong xuất khẩu lương thực, do sản lượng lương thực xuất khẩu sụt giảm và giá xuất khẩu của các hợp đồng tập trung đứng ở mức thấp, đã tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp tham gia cung ứng bao bì phục vụ xuất khẩu và buộc các đơn vị sản xuất phải giảm giá bán thì mới có thể tiêu thụ được, đây là những nguyên nhân làm cho sản lượng và hiệu quả mặt hàng này chưa đạt được như mong muốn và chưa thể tăng nếu tình hình xuất khẩu lương thực chưa được cải thiện, đó cũng là khó khăn chung mà các đơn vị chuyên ngành bao bì phục vụ xuất khẩu lương thực đang phải đối mặt.

b)- Mặt hàng Mỹ Nghệ:

- Xuất khẩu đạt: 32 Con't, đạt 106,66% so KH năm và đạt 98,46 % so 2013.

Mặt hàng Mỹ nghệ kinh doanh ổn định và có hiệu quả cao so với vốn đầu tư, đây là ngành hàng không chịu sự cạnh tranh bởi thị trường, tuy nhiên sản lượng khó tăng do nhu cầu của khách hàng không nhiều và là mặt hàng sản xuất thủ công theo thời vụ nên rất khó thu tuyển và đào tạo lao động.

2.3- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD:

a)- Mặt hàng cơ khí :

- Doanh số đạt 75,43 tỷ đồng, đạt 107,76% so KH năm và đạt 59,69% so 2013

Mặt hàng cơ khí tuy có hiệu quả nhưng doanh số giảm sâu so với năm 2013, nguyên nhân là do trong những năm qua các doanh nghiệp đã đầu tư máy móc, thiết bị tương đối hoàn thiện, đồng thời tình hình kinh doanh lương thực gặp nhiều khó khăn và hiệu quả thấp, nên các doanh nghiệp cũng hạn chế đầu tư mở rộng. Tình hình sụt giảm doanh số ngành hàng cơ khí có thể kéo dài trong năm 2015, hiện nay Công ty cũng đang nghiên cứu để có giải pháp ổn định sản xuất và phát triển ngành hàng này.

b)- Mặt hàng Bê tông - VLXD:

Tiêu thụ đạt : 43.525 m³, đạt 145,08% so KH năm và đạt 144,82% so 2013.

Mặt hàng bê tông tươi năm 2014 có tốc độ tăng trưởng khá tốt, do có sự tác động tích cực của chính sách giảm lãi suất vốn tín dụng, kích cầu tiêu dùng, tăng chi tiêu chính phủ, do đó các nhà đầu tư xây dựng và các công trình lớn được tái khởi động lại, đồng thời do làm tốt công tác khai thác thị trường và tiếp thị nên ngành hàng bê tông đã tăng được thị phần tiêu thụ và có hiệu quả.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ:

1- Công tác quản lý, điều hành:

- Tổ chức tổng kết hoạt động SXKD năm 2013 và triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2014; Đại hội đồng cổ đông 2014 vào ngày 04/4/2014; chi cổ tức 2013 cho cổ đông với tỉ lệ 16,13%/VĐL

- Tăng cường tiếp thị khai thác khách hàng để tiêu thụ các mặt hàng gạo, bao bì, cơ khí, bê tông tươi ...; củng cố thị trường gạo nội địa, tổ chức đánh giá duy trì hệ thống Haccp; thực hiện hồ sơ công bố chất lượng các loại gạo đóng bít năm 2014 để cung cấp theo yêu cầu của hệ thống Siêu thị; đẩy mạnh xuất khẩu gạo trực tiếp, khai thác thêm khách hàng tiêu thụ gạo đặc sản, gạo cao cấp

- Tổ chức thu mua lúa, gạo đảm bảo chất lượng; mua tạm trữ đạt 100% theo chỉ tiêu được giao vụ Đông Xuân là 6.000 tấn quy gạo.

- Báo cáo định kỳ theo Luật Chứng khoán gửi các cơ quan chức năng đúng quy định; lập hồ sơ về hạn mức vay vốn cho năm tài chính 2014 tại các Ngân hàng; Ký hợp đồng vay vốn mua lúa gạo tạm trữ theo chỉ tiêu Hiệp hội giao; Thực hiện hồ sơ tạm trữ 6.000 tấn gạo vụ Đông Xuân, thông qua Sở Công Thương Long An xác nhận và gửi về Tổng Công ty

- Báo cáo tình hình hoạt động SXKD 2 năm (2012 – 2013) và các báo cáo theo yêu cầu của Thanh tra Chính Phủ làm việc tại Tổng Công ty và Công ty; Tiếp đoàn kiểm toán Nhà nước làm việc chuyên đề về tình hình thu mua tạm trữ giai đoạn 2012 – 2013

- Xây dựng Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2014, với các nội dung, giải pháp cụ thể của Công ty theo thông báo số 40/TB-TCHC ngày 28/02/2014

2- Công tác Tổ chức - Lao động - Tiền lương:

- Về công tác lao động tiền lương, chế độ chính sách: Quyết toán Quỹ lương thực hiện năm 2013 và xây dựng kế hoạch quỹ lương 2014 theo hướng dẫn của Tổng Công ty; điều chỉnh quy chế tiền lương phù hợp với quy định mới; xét nâng lương chế độ định kỳ cho 51 cá nhân đủ điều kiện; cử 4 cá nhân tham gia lớp thi nâng ngạch chuyên viên chính;

- Tổ chức Hội thi tìm hiểu kiến thức pháp luật lao động tại Công ty và tham gia Hội thi tại Tổng Công ty đạt giải ba; Tổ chức họp cụm thi đua, ký kết giao ước đầu năm và chấm điểm xét cờ thi đua cuối năm 2014 gửi về Tổng Công ty; xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Bảo hộ lao động trong toàn Công ty; hưởng ứng thực hiện tuần lễ Quốc gia về ATVSLĐ lần thứ 16 và cử 05 cán bộ tham gia lớp tập huấn an toàn vệ sinh lao động do Tổng Công ty LTMN tổ chức

3- Công tác tài chính kế toán:

- Thực hiện và báo cáo đúng tiến độ báo cáo quyết toán tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 gửi Tổng Công ty; UBCK Nhà Nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Phân phối kết quả lợi nhuận và chi cổ tức cho cổ đông năm 2013 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đầu năm 2014.

- Công bố thông tin kịp thời các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và Nghị quyết HĐQT lệ kỳ cho UBCK Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Hoàn chỉnh và bổ sung quy chế tài chính, định mức kinh tế kỹ thuật

- Đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

4036
TY
IN
JKH
THUC
M
-ONG

- Thường xuyên kiểm tra các đơn vị trong việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính và hạch toán kế toán.

- Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn, hàng hóa tại các đơn vị trực thuộc, đơn đốc thu hồi công nợ phải thu, không để tình trạng nợ dầy dụa.

- Xây dựng kế hoạch tài chính năm 2015

4-Công tác đầu tư-xây dựng cơ bản:

- Thực hiện hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước cho các xí nghiệp trực thuộc theo văn bản hướng dẫn số 180/STNMT của Sở Tài nguyên Môi trường Long An; Lập hồ sơ xin mở rộng chiều dài hoạt động bến thủy nội địa tại Phân xưởng 1 – Xí nghiệp LTTP; Lập hồ sơ hoàn công để cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình nhà xưởng mới (48x41m) XLCK và nhà kho (231,92 m²) LTTP.

- Thực hiện công tác đầu tư theo kế hoạch, tổng giá trị đã đầu tư nghiệm thu đưa vào sử dụng là : 9.816.338.230 đồng, trong đó: đầu tư cho ngành hàng Xây lắp-cơ khí 2.920.922.459 đồng; ngành Lương thực thực phẩm: 4.280.320.465 đồng; ngành Bao bì- Mỹ nghệ: 2.106.434.056 đồng; Văn phòng Công ty: 508.661.250 đồng. Gồm các hạng mục:

a-Xây lắp Cơ khí: 2.920.922.459 đồng

- Máy bơm bê tông Putzmeister 90 m³/giờ, 01 máy : 618.181.818 đồng
- Cầu trục nhà xưởng-giai đoạn 1 (48 x 41) m : 391.036.000 đồng
- Xe cẩu cạp bánh xích Bucyrus Eric 38B, 01 chiếc : 1.385.000.000 đồng
- Máy Photocopy Toshiba 01 máy : 36.364.000 đồng
- Giếng khoan 10-12 m³/giờ : 99.510.713 đồng
- Cầu cảng (3,5 x 11) m : 139.469.928 đồng
- Sửa chữa máy bơm bê tông 60 m³/giờ : 251.360.000 đồng

b-Lương thực Thực phẩm: 4.280.320.465 đồng

- Máy tách màu GS 17641 AIS SATAKE 01 máy : 3.518.637.969 đồng
- Hệ thống bồn chứa 1.000 tấn : 391.981.902 đồng
- Cân đóng bịch 1- 10 kg : 133.052.923 đồng
- Trống sàng tạp chất và cân liệu rời : 236.647.671 đồng

c-Bao bì - Mỹ nghệ 2.106.434.056 đồng

- Máy kéo sợi PP 200 sợi 01 máy : 1.246.000.000 đồng
- Máy in 3 màu : 72.522.001 đồng
- Hệ thống PCCC cơ sở phường 5 : 168.430.500 đồng
- Hệ thống PCCC cơ sở phường 6 : 456.510.640 đồng
- Hồ nước âm 50 m³ PCCC cơ sở phường 6 : 126.026.481 đồng
- Áptomat 1600 A : 36.944.434 đồng

d-Văn phòng Công ty 508.661.250 đồng

- Máy phát điện HTGEN 100/110 KVA 01 máy : 429.008.000 đồng
- Máy Photocopy Toshiba 655 : 35.327.000 đồng
- Hệ thống Camera : 44.326.250 đồng

5-Công tác đầu tư cánh đồng lớn:

Thực hiện quyết định 62 – 25/10/2013 của chính phủ, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp & PTNT và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc xây dựng

cánh đồng lớn tạo vùng nguyên liệu ổn định phục vụ xuất khẩu, đây là tiêu chí quan trọng trong việc tham gia xuất khẩu trực tiếp lương thực mà Chính phủ quy định.

- Trong năm 2014 Công ty đã thực hiện đầu tư theo phương thức Bao tiêu sản phẩm với nông dân tại xã Tân Lập, Huyện Tân Thạnh với diện tích là 200 hecta.

- Để chuẩn bị vùng nguyên liệu cho năm 2015, Công ty đã xây dựng phương án đầu tư cánh đồng lớn năm 2015 và đang triển khai thực hiện liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm vụ mùa Đông Xuân năm 2015, kết quả như sau:

+ Bao tiêu sản phẩm với nông dân thông qua Hợp tác xã Nông nghiệp Tân Đồng Tiến tại xã Tân Lập và xã Nhơn Hòa thuộc huyện Tân Thạnh với diện tích 350 hecta.

+ Liên kết xây dựng theo mô hình cánh đồng lớn, tại xã Bình Hiệp, Thị xã Kiến Tường, Long An; theo phương thức này thì giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hướng dẫn quy trình sản xuất cho nông dân do Công ty Bảo vệ thực vật An Giang thực hiện, Công ty cổ phần Mecofood chịu trách nhiệm thu mua toàn bộ sản phẩm cho nông dân, hiện Công ty đã xây dựng được cánh đồng 124,5 hecta theo hình thức liên kết sản xuất 3 bên.

- Xây dựng xong phương án cánh đồng lớn giai đoạn 2015-2020 gửi Tổng Công ty và Sở Công Thương tỉnh Long An phê duyệt.

- Hiện Công ty đang tiếp tục đàm phán để tăng diện tích cánh đồng lớn theo mô hình liên kết 3 bên để đảm bảo diện tích cho những vụ tới theo phương án đã được phê duyệt.

IV- CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC:

1- Về công tác Thanh - kiểm tra; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- Công tác Thanh kiểm tra:

Công tác kiểm tra được Công ty thực hiện thường xuyên hàng quý, 6 tháng tại các đơn vị trực thuộc, kiểm tra việc chấp hành nội quy lao động, quy chế làm việc, việc chấp hành quy chế quản lý tài chính, quản lý hàng hóa và việc chấp hành các quy định về phòng cháy chữa cháy, an ninh quốc phòng, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

Ngoài ra trong năm Công ty còn được các đoàn kiểm tra địa phương như Đội kiểm tra Công an phòng cháy chữa cháy; Đội kiểm tra của Sở tài nguyên môi trường; Đoàn kiểm tra Liên ngành Sở Lao động Thương binh xã hội - Liên đoàn Lao động đến kiểm tra.

Đồng thời trong năm 2014 Công ty cũng đã được các Đoàn kiểm tra của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam; Công đoàn ngành Nông nghiệp & PTNT; Đảng Ủy khối Doanh nghiệp Trung Ương và Đoàn Thanh tra chính phủ kiểm tra.

Kết quả qua các cuộc kiểm tra, Công ty đều được đánh giá cao trong việc thực hiện và chấp hành các quy định của pháp luật.

- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng:

Công ty đã xây dựng Chương trình và có giải pháp cụ thể, triển khai công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2014 và báo cáo định kỳ kết quả thực hiện về Tổng Công ty đúng quy định.

Chủ động triển khai ngay từ đầu năm với tinh thần thực hiện công khai, minh bạch thông qua hoạt động sơ kết, tổng kết, Hội nghị người lao động, thực hiện kê



khai tài sản và thu nhập đúng theo quy định, trong năm không có trường hợp vi phạm, cũng như biểu hiện vi phạm.

2- Công tác an ninh quốc phòng và trật tự an toàn cơ quan:

- Thực hiện tốt công tác an ninh quốc phòng và trật tự an toàn trong cơ quan; lực lượng bảo vệ chuyên trách thường xuyên tuần tra, canh gác 24/24 đảm bảo an toàn tuyệt đối về tài sản của đơn vị; tăng cường lực lượng tự vệ cơ quan trực trong các ngày nghỉ lễ tết; kiểm tra kiểm soát các phương tiện PCCC, PCLB

- Phối hợp cảnh sát PCCC kiểm tra công tác PCCC tại các đơn vị; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các đội PCCC thuộc Công ty

- Báo cáo phong trào thi đua quyết thắng định kỳ 6 tháng, năm gửi Bộ CHQS tỉnh Long An; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc gửi Công an tỉnh Long An; Xây dựng kế hoạch trực sẵn sàng chiến đấu các cao điểm 30/4, 19/8, 2/9, Noel... gửi Ban CHQS TP. Tân An

V- ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2014 mặc dù nền kinh tế có chuyển biến tích cực như đã đánh giá trên, tăng trưởng kinh tế khá và tỷ lệ lạm phát thấp, nhưng đối với sản phẩm ngành nông nghiệp vẫn còn hết sức khó khăn, có tăng trưởng nhưng ở mức thấp so với năm 2013, riêng ngành lương thực thì xuất khẩu giảm sút về lượng và giá trị; tuy nhiên với sự nỗ lực chung Công ty cũng đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế mà Đại Hội đồng cổ đông đề ra.

Đạt được kết quả trên, trước hết là do sự nỗ lực của tập thể Công ty và sự quan tâm của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam cũng như các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng Công ty, đồng thời nhân tố quan trọng không thể thiếu đó là sự ủng hộ của khách hàng đã tin nhiệm sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2015

I-NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH.

Theo nhận định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hiệp hội Lương thực Việt Nam, dự báo năm 2015 sẽ là một năm rất khó khăn cho xuất khẩu gạo của Việt Nam, do nguồn cung dồi dào từ Ấn Độ, Pakistan, Myanmar, Campuchia và nhất là Thái Lan đang tồn kho một số lượng lớn gạo cũ và gạo mới, hiện nay Thái Lan đang tập trung khôi phục lại các thị trường truyền thống ở châu Phi với lợi thế gạo cũ giá rẻ. Chính phủ Thái Lan cũng đang tăng cường, mở rộng thị phần ở khu vực châu Á, nhất là giao dịch các hợp đồng Chính phủ với Philippines, Indonesia và Trung Quốc; trong khi đó, tiêu thụ qua đường tiểu ngạch đang có sự quản lý chặt chẽ của Trung Quốc sẽ làm cho các doanh nghiệp khó khăn hơn trong xuất khẩu gạo qua đường này.

Tình hình giao dịch hiện nay trên thế giới, thì giá gạo 5% tấm của Việt Nam trong thời gian này được chào bán với giá 370 đô la Mỹ/tấn, giảm trên 35 đô la Mỹ 1 tấn so với cùng kỳ. Giá gạo trên thị trường thế giới đồng loạt sụt giảm do lượng tồn kho của Thái Lan đứng ở mức cao khiến nước này buộc phải "xả hàng" trong khi sản lượng gạo tại Ấn Độ cũng tồn ở mức cao, tạo ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước xuất khẩu gạo lớn, trong đó có Việt Nam; ngoài xu hướng giảm giá chung của thế giới và việc xuất khẩu gạo theo đường tiểu ngạch sang thị trường Trung Quốc bị đình

0664
CÔNG TY
PHÂN
ÁP-CC
CÔNG TY
JC PHA
AN-T.

trẻ đã làm cho giá lúa gạo trong nước sụt giảm mạnh từ cuối quý 4/2014 đến nay và khả năng sẽ kéo dài qua quý 2/2015 nếu tình hình giao dịch không được cải thiện.

Từ nhận định trên cho thấy sự cạnh tranh sẽ vô cùng quyết liệt và giá tiêu thụ lúa, gạo trong năm 2015 dự báo vẫn trong xu hướng giảm và giá đứng ở mức thấp.

Qua đánh giá tình hình thị trường nêu trên và điều kiện thực tế, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2015 với các chỉ tiêu chính như sau:

II-KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2015 :

1-Kế hoạch một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2015:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2015	GHI CHÚ
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	685	
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	25,5	
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo quy định	
4	Tỷ lệ cổ tức	%/VĐL	17%	

2-Kế hoạch sản lượng kinh doanh từng ngành năm 2015:

Stt	Diễn giải	ĐVT	KH 2015	GHI CHÚ
1	Lương thực			
	- Mua vào quy gạo	tấn	50.000	
	- Bán ra quy gạo	tấn	50.000	
2	Bao bì (quy chuẩn 120)	Triệu cái	13	
3	Mỹ nghệ	Con't	32	
4	Doanh số cơ khí	Tỷ đồng	75	
5	Bê tông	m ³	35.000	
7	Liên kết SX cánh đồng lớn	hecta	440	(Theo PT1 và PT3)

3-Kế hoạch đầu tư XDCB và mua sắm máy móc thiết bị.

Năm 2015 Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư và mua sắm máy móc thiết bị với tổng giá trị 12.630.000.000 đồng, trong đó: đầu tư cho Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí 9.010.000.000 đồng, đầu tư cho Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm 3.620.000.000 đồng, gồm các hạng mục:

a- Xây lắp Cơ khí:	9.010.000.000 đồng
- Máy chấn tôn 2500 mm (Komatsu) = 01 máy	: 385.000.000 đồng
- Cầu trục nhà xưởng - giai đoạn 2 (48 x 41) m	: 900.000.000 đồng
- Máy cân bằng động đa dụng trục ngang = 01 máy	: 825.000.000 đồng
- Thiết bị sơn tĩnh điện	: 1.200.000.000 đồng
- Xe cầu tự hành 5,5 tấn = 01 chiếc	: 1.400.000.000 đồng
- Xe trộn bê tông = 02 chiếc	: 4.300.000.000 đồng
b- Lương thực Thực phẩm	3.620.000.000 đồng
- Hệ thống băng tải liệu rời	: 800.000.000 đồng
- Hệ thống bồn chức 840 tấn	: 2.100.000.000 đồng
- Xe tải 2,5 tấn Hyundai HD65 = 01 chiếc	: 720.000.000 đồng



III-CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

- Tăng cường quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình thu mua, dự trữ, sản xuất chế biến, cũng như quá trình tiêu thụ sản phẩm nhằm đạt hiệu quả

- Sử dụng vốn đảm bảo an toàn và đúng mục đích theo đúng quy chế và quy định của pháp luật, tăng cường công tác kiểm tra việc chi tiêu theo quy chế tài chính của Công ty.

- Tăng cường tiếp thị khai thác khách hàng để tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty; củng cố thị trường gạo nội địa; đẩy mạnh xuất khẩu gạo trực tiếp, mở rộng thị trường gạo đặc sản, gạo cao cấp; tổ chức thu mua lúa, gạo khi vào vụ với chất lượng và giá tốt nhất; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo thị trường.

- Thực hiện tốt liên kết sản xuất cánh đồng lớn, liên kết với doanh nghiệp cung ứng, hợp tác xã, thương lái và doanh nghiệp sơ chế để phục vụ công tác thu mua lúa, gạo theo phương án năm 2015 và phương án 2015-2020 đã xây dựng, nhằm đảm bảo chất lượng và ổn định nguồn nguyên liệu, tạo uy tín cho chất lượng gạo Việt Nam cũng như thương hiệu của Công ty.

- Tiếp tục cải tiến mẫu mã và năng suất thiết bị các sản phẩm hiện có, tập trung nghiên cứu sản phẩm mới mặt hàng cơ khí đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ Bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Chú trọng và tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật cho công tác nghiên cứu và lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề, đồng thời sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất.

- Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời; quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

- Quan tâm công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt; chú trọng công tác an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm và vệ sinh công nghiệp.

- Phối kết hợp tốt giữa các tổ chức đoàn thể chính trị trong Công ty thực hiện thường xuyên các đợt thi đua trong sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tập trung sức mạnh và trí tuệ tập thể để phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty cổ phần Mecofood. Trình Đại Hội đồng cổ đông

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ỦY VIÊN-TỔNG GIÁM ĐỐC CTY**



Lê Hoàng Nhữ

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

Kính thưa : **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 như sau:

1- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014

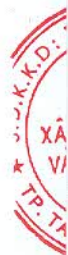
ĐV tính: đồng

NỘI DUNG 1	Mã số 2	Thuyết minh 3	Số cuối kỳ 4	Số đầu năm 5
TÀI SẢN				
A - Tài sản ngắn hạn (100)=110+120+130+140+150	100		157.420.925.718	291.571.290.393
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.703.144.478	50.071.557.498
1. Tiền	111	V.01	7.703.144.478	3.071.557.498
2. Các khoản tương đương tiền	112			47.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		42.979.662.693	80.884.284.892
1. Phải thu khách hàng	131		38.756.438.349	64.357.506.029
2. Trả trước cho người bán	132		7.908.707.714	15.488.253.038
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	221.405.555	1.183.363.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3.906.888.925)	(144.837.175)
IV. Hàng tồn kho	140		72.016.392.759	136.197.249.846
1. Hàng tồn kho	141	V.04	72.016.392.759	136.197.249.846
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.721.725.788	24.418.198.157
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			53.579.559
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		221.725.788	4.364.618.598
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		34.500.000.000	20.000.000.000

B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		38.424.388.957	35.775.441.099
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		19.600.000	48.400.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	19.600.000	48.400.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		38.143.667.712	34.223.030.932
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	38.018.023.762	33.891.032.547
- Nguyên giá	222		80.883.771.598	73.300.697.546
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(42.865.747.836)	(39.409.664.999)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	48.446.599	72.498.655
- Nguyên giá	228		737.803.229	978.749.563
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(689.356.630)	(906.250.908)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	77.197.351	259.499.730
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		261.121.245	1.504.010.167
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	170.921.245	1.413.810.167
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		90.200.000	90.200.000
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		195.845.314.675	327.346.731.492

NGUỒN VỐN

1	2	3	4	5
A - Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		76.772.443.536	212.309.013.180
I. Nợ ngắn hạn	310		76.752.843.536	212.258.213.180
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	19.015.239.315	115.211.538.115
2. Phải trả người bán	312		18.660.616.491	45.273.483.428
3. Người mua trả tiền trước	313		18.407.858.578	24.275.289.287
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.093.720.026	315.158.913
5. Phải trả người lao động	315		13.828.136.194	18.935.593.814
6. Chi phí phải trả	316	V.17	447.014.227	1.796.318.508



7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	592.629.300	608.586.760
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2.306.885.296	4.366.276.665
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.400.744.109	1.475.967.690
II. Nợ dài hạn	330		19.600.000	50.800.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		19.600.000	50.800.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		119.072.871.139	115.037.718.312
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	119.072.871.139	115.037.718.312
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(76.363.636)	(76.363.636)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.673.228.419	9.734.214.339
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.689.998.173	4.846.560.173
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.786.008.183	20.533.307.436
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		195.845.314.675	327.346.731.492

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		112.224	12.311
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

2/ **Mua vào** : doanh số mua vào 616.623.338.749 đồng

Trong đó mua lương thực qui gạo: 53.473.361 Tấn (lúa: 2.139,460 tấn, gạo các loại: 52.403.631 tấn)

3/ **Bán ra** : Tổng doanh thu 826.251.780.102 đồng

*Kim ngạch xuất khẩu : **20.136.257,67 USD**

4/ Tồn kho hàng hoá, vật tư :

Số TT	Tên hàng hoá, vật tư	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá Bình quân(đ/kg)	Thành tiền (đồng)
1	Gạo TD các loại	Kg	4.114.844	6.999	28.800.209.986
2	Gạo thơm các loại	Kg	698.427	10.206	7.128.202.204
3	Gạo nếp các loại	Kg	55.840	12.036	672.110.066
6	Cám các loại	Kg	810	4.999	4.049.549
7	Tầm ½	Kg	134.700	6.134	826.228.760
8	Tầm ½ thơm	Kg	18.570	7.036	130.659.923
9	Tầm 2/3 và tầm ¾	Kg	200	5.224	1.044.840
10	Kho TP cơ khí				224.980.825
11	Kho NL cơ khí				4.072.759.904
12	Kho vật tư xây dựng				812.901.329
13	Kho TP bao bì				8.694.607.125
14	Kho TP mỹ nghệ				1.486.426.272
15	Bán thành phẩm sản phẩm cơ khí				202.3254.355
16	Kho NL mỹ nghệ, bao bì				1.958.422.680
17	Công cụ dụng cụ				1.363.078.756
18	Bán TP Mỹ nghệ, bao bì				1.859.500.693
19	Kho NVL phụ				292.542.822
20	Kho phụ tùng thay thế				52.834.495
21	Chi phí thu mua				48.822.141
22	Sản phẩm dở dang				11.563.756.034
	Tổng cộng				72.016.392.759

Tổng lượng lương thực tồn kho qui gạo : 5.022,381 tấn = 37.562.505.328 đồng
(Lượng tồn kho không tính cám và tầm 2/3; 3/4)

5/ Kết quả kinh doanh :

- Doanh số bán hàng	812.220.063.953 đồng
- Giá vốn hàng bán	736.580.892.535 đồng
- Lãi gộp	75.639.171.418 đồng
- Chi phí bán hàng	29.536.915.531 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.916.159.635 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính	5.601.108.584 đồng
- Chi phí hoạt động tài chính	6.412.151.903 đồng
Trong đó chi phí lãi vay	5.038.955.677 đồng
- Thu nhập khác	8.430.607.565 đồng
- Chi phí khác	227.521.119 đồng
- Tổng thu nhập trước thuế	24.578.139.379 đồng

5403
 TY
 IAN
 CƠ
 3 TH
 HÂM
 T. L. C

6/ Nộp Ngân sách:*** Thuế GTGT**

- Thuế GTGT được hoàn đầu kỳ	4.364.618.598 đồng
- Thuế GTGT đầu ra trong kỳ	18.691.012.745 đồng
- Thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ	14.548.119.935 đồng
- Thuế GTGT phải nộp NS trong kỳ	0 đồng
- Thuế GTGT đã nộp NS trong kỳ	0 đồng
- Thuế GTGT đã hoàn lại PS trong kỳ	0 đồng
- Thuế GTGT còn được hoàn cuối kỳ	221.725.788 đồng

*** Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	52.916.974 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	5.353.506.147 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp trong kỳ	4.516.072.675 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	890.350.446 đồng

*** Thuế thu nhập cá nhân:**

- Thuế TNCN còn phải nộp đầu kỳ	59.395.259 đồng
- Thuế TNCN phải nộp trong kỳ	597.454.149 đồng
- Thuế TNCN đã nộp trong kỳ	453.479.828 đồng
- Thuế TNCN còn phải nộp cuối kỳ	203.369.580 đồng

* Thuế môn bài, thuế nhà đất- tiền thuê đất, thuế NK(đã nộp) 1.926.875.768 đồng

7/ Quỹ lương :

- Quỹ lương đầu năm chuyển sang	18.935.593.814 đồng
- Quỹ lương thực trích	39.184.909.512 đồng
- Quỹ lương thực chi	44.292.367.132 đồng
- Quỹ lương còn được chi	13.828.136.194 đồng

8/ Vay ngắn hạn

Trong đó :

Ngân hàng Công Thương Long An	9.465.239.315 đồng
Ngân hàng Ngoại Thương Long an	9.550.000.000 đồng

9/ Quỹ khen thưởng, phúc lợi**10/ Nguồn vốn hiện có :**

- Nguồn vốn cổ đông	80.000.000.000 đồng
- Thặng dư vốn cổ phần	(76.363.636) đồng
- Quỹ đầu tư phát triển	11.673.228.419 đồng
- Quỹ dự phòng tài chính	6.689.998.173 đồng

11/ Các quỹ khác :

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối :	20.786.008.183 đồng
	20.786.008.183 đồng

12/ Nhận xét : Qua kiểm tra báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty, Ban kiểm soát có ý kiến nhận xét như sau :

Nhìn chung trong năm 2014 tuy rất khó khăn trong kinh doanh mặt hàng lương thực nhất là gạo xuất khẩu, do cạnh tranh nên giá cả các mặt hàng gạo cấp thấp giảm mạnh, giá hạt nhựa tăng cao, mặt hàng bao bì do cạnh tranh gay gắt nên số lượng tiêu thụ giảm sút, giá cả trong nước biến động thường xuyên đã làm ảnh hưởng đến giá nguyên liệu đầu vào biến động, đầu ra bị cạnh tranh gay gắt. Nhưng Ban điều hành Công ty đã thể hiện rất tốt vai trò trong lãnh đạo, chỉ đạo, đã lãnh đạo Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2014, thực hiện theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cũng như các quy định của Pháp luật, không để phát sinh thêm công nợ khó đòi và kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận năm 2014 đạt 102% chỉ tiêu kế hoạch đã được đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua, tạo được việc làm, thu nhập ổn định cho CBCNV,

Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước để bán ra sản phẩm nhất là ngành hàng bê tông tươi và vật liệu xây dựng đã có doanh thu tăng trưởng rất cao so với năm 2013; ngành cơ khí đã giữ được mức doanh thu khá lớn, có 2 hợp đồng xuất khẩu trực tiếp và đây là ngành có lợi nhuận cao nhất trong năm 2014; mặt hàng mỹ nghệ có doanh thu khá tốt đã góp phần mang lại hiệu quả chung trong năm 2014; mặt hàng gạo xuất khẩu do cạnh tranh giá bán thấp nhưng ban điều hành Công ty đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng tiêu thụ nội địa để bù đắp cho mặt hàng gạo xuất khẩu; đây là nỗ lực rất lớn của toàn thể CBCNV trong toàn Công ty cần được biểu dương.

Về kinh doanh các ngành hàng nhìn chung đều có lãi, trong đó ngành cơ khí chiếm tỷ lệ cao nhất : 42,24%; ngành gạo: 22,47%; ngành bê tông tươi- VLXD : 18,31 %; Mỹ nghệ : 13,69%; ngành bao bì hiệu quả thấp chiếm tỷ lệ dưới 4%.

Trên đây là thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty, kính trình Hội đồng quản trị xem xét.

Nơi nhận :

- Như trên : để báo cáo
- HĐQT Công ty
- Lưu VP CTY, BKS

Ngày 20 tháng 01 năm 2015
BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN THỊ BẦY

Số 13 /TT-MCF.HĐQT

Long An, ngày 11 tháng 3 năm 2015

TỜ TRÌNH

**“V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2014
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015”**

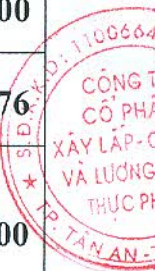
Kính gửi : - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2015

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 04/04/2014 V/v phê duyệt kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2014.

Hội đồng Quản trị Công ty báo cáo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2014 và xây dựng kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

1- Phân phối lợi nhuận năm 2014:

T T	NỘI DUNG	Nghị quyết ĐHCD 2014		Thực hiện 2014	
		Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN		24.000.000.000		24.578.139.379
2	Thu nhập sau thuế TNDN		24.000.000.000		19.224.633.232
	<i>Trong đó:</i>				
	a-Lợi nhuận từ HĐKD còn lại sau khi đã trừ thuế TNDN		24.000.000.000		18.818.449.876
	b-Thu nhập do thanh lý tài sản sau thuế				142.493.110
	c-Thu nhập do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm				263.690.246
3	Phụ cấp HĐQT và BKS (Tổng số là 338.065.000 đ)		55.200.000		63.860.000
4	Quỹ khen thưởng Ban điều hành Công ty	2,5	466.620.000		468.873.876
5	Lợi nhuận còn lại sau thuế sau khi trừ: phụ cấp HĐQT- BKS, Quỹ khen thưởng BDH, thu nhập do : thanh lý TSCĐ, do đánh giá lại CL tỷ giá		18.198.180.000		18.285.716.000
5.1	Trích lập các quỹ	30	5.459.454.000	30	5.485.716.000
	a-Quỹ dự phòng tài chính	10	1.819.818.000	10	1.828.572.000
	b-Quỹ phát triển sản xuất	10	1.819.818.000	10	1:828.572.000
	c-Quỹ khen thưởng và phúc lợi	10	1.819.818.000	10	1.828.572.000
5.2	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	70	12.738.726.000		12.800.000.000
5.3	Chia cổ tức cho cổ đông		12.738.726.000		12.800.000.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức/ VDL 80 tỷ		15,92%		16,00%



Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét cho giữ lại không chia thu nhập từ thanh lý tài sản (sau thuế TNDN) với số tiền là **142.493.110** đồng để bổ sung vào quỹ Phát triển sản xuất.

Căn cứ Thông tư 200/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng từ ngày 01/01/2015, trong đó có quy định : số dư Tài khoản 415 -Quỹ Dự phòng tài chính (DPTC) chuyển sang TK414- Quỹ Phát triển sản xuất (PTSX). Do đó, Hội đồng quản trị kính đề nghị ĐHCĐ phê duyệt chuyển toàn bộ số dư Quỹ DPTC sang Quỹ PTSX với tiền là **8.518.570.173** đồng (*Tám tỷ năm trăm mười tám triệu năm trăm bảy mươi ngàn một trăm bảy mươi ba đồng*) bao gồm : 6.689.998.173 đ (số dư cuối năm 2014) + 1.828.572.000 đ (trích cho năm tài chính 2014 tại tờ trình này).

1.828.572.000

2- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015:

T T	NỘI DUNG	Kế hoạch 2015	Tỷ lệ % so năm 2014
1	Doanh thu HĐKD, DV, TC	685.000.000.000	82,90
2	Giá vốn và chi phí quản lý, tiêu thụ	659.500.000.000	82,27
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	25.500.000.000	103,75
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp 22%	5.610.000.000	104,79
5	Lợi nhuận từ HĐKD sau thuế TNDN	19.890.000.000	103,46
6	Phụ cấp HĐQT và BKS (Tsố = 345.600.000 đ)	55.200.000	86,44
7	Quỹ khen thưởng Ban điều hành Công ty 2,5%	470.000.000	100,24
8	Thu nhập còn lại được phân phối	19.364.800.000	105,90
8.1	Trích lập các quỹ (30%)	5.764.800.000	105,09
	a-Quỹ phát triển sản xuất 20%	3.843.200.000	
	b-Quỹ khen thưởng và phúc lợi 10%	1.921.600.000	
8.2	Chia cổ tức cho cổ đông	13.600.000.000	106,25
9	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL 80 tỷ	17,00%	106,25

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận :
-Như trên
-Lưu VT



Lê Văn Lộc

Số 15/TT-HĐQT.MCF

Long An, ngày 11 tháng 3 năm 2015

TỜ TRÌNH

**Báo cáo kết quả thực hiện quỹ lương năm 2014
và xin phê duyệt kế hoạch quỹ lương năm 2015**

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2015

Căn cứ Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 50/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Công văn số 2772A ngày 06/12/2013 của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam V/v Hướng dẫn thực hiện quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động;

Căn cứ Công văn số 2772 ngày 06/12/2013 của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam V/v Hướng dẫn thực hiện quản lý tiền lương và thu nhập của Viên chức quản lý;

Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình thực hiện quỹ lương năm 2014 và kế hoạch quỹ lương năm 2015, cụ thể như sau :

1/ Báo cáo tình hình thực hiện Quỹ tiền lương năm 2014 :

Theo Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH và Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội thì kế hoạch quỹ lương của Công ty được xây dựng và thực hiện như sau :

1.1/ Xây dựng kế hoạch quỹ lương năm 2014: với kế hoạch lợi nhuận trước thuế là 24.000.000.000 đồng thì quỹ lương của Công ty được trích tối đa là 40.265.000.000 đồng, tức tương ứng với tỷ lệ 62,65% trên lợi nhuận chưa trừ lương.

1.2/ Kết quả thực hiện năm 2014: Lợi nhuận ròng trước thuế đã thực hiện trong năm 2014 là 24.578.139.379 đồng, đạt 102,40% kế hoạch đề ra và so với lợi nhuận thực hiện năm 2013 đạt 96,46%, thì quỹ lương của Công ty được trích tối đa đưa vào phí SXKD năm 2014 là 39.433.236.984 đồng.

Theo thực tế kết quả kinh doanh và tình hình tài chính hiện tại, Công ty đã hạch toán quỹ tiền lương đưa vào phí SXKD năm 2014 là 39.184.909.512 đồng chiếm tỷ lệ



61,45% / Tổng lợi nhuận chưa trừ lương, tức thấp hơn kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 phê duyệt là 1,20%; đạt 97,32% so với kế hoạch và đạt 99,37% so với số được trích theo quy định tại Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH và Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH, tương ứng với số tiền đưa vào phí ít hơn là 248.327.472 đồng, cụ thể như sau :

Đơn vị tính : Đồng

T	Diễn giải	Số được trích theo quy định năm 2014	Số thực trích quyết toán năm 2014	Chênh lệch	So sánh (%)
A	B	C	D	E (C-D)	F (D/Cx100%)
1	Quỹ lương trích đưa vào phí SXKD	39.433.236.984	39.184.909.512	248.327.472	99,37

2/ Kế hoạch Quỹ lương trích đưa vào phí SXKD năm 2015 :

Căn cứ hoạch SXKD năm 2015 mà Công ty trình ĐHCĐ phê duyệt, trong đó lợi nhuận ròng trước thuế là 25.500.000.000 đồng, tăng 3,75% so với thực hiện năm 2014.

Căn cứ Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH và 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, tình hình SXKD và tài chính hiện tại, Công ty kính đề nghị ĐHCĐ xem xét và phê duyệt quỹ tiền lương đưa vào phí SXKD năm 2015 là 40.353.000.000 đồng, cụ thể như sau :

ĐVT : Đồng

T	Diễn giải	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	So sánh (%) KH15/TH14
1	Lợi nhuận ròng trước thuế	24.578.139.379	25.500.000.000	103,75%
2	Tổng quỹ lương trích đưa vào phí	39.184.909.512	40.353.000.000	102,98%

(Lương của công nhân bốc xếp trong dây chuyền sản xuất được tính theo đơn giá thực tế)

Và tùy theo tình hình thực tế kết quả lợi nhuận thực hiện, Công ty sẽ trích và thực chi lương trong năm tài chính 2015 đúng theo tinh thần Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH và 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã hướng dẫn, đồng thời sẽ báo cáo lại cho cổ đông tại ĐHCĐ thường niên năm 2016.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt để Công ty làm cơ sở thực hiện.

Kính đề nghị!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận :

- Như trên.
- Lưu VT



Lê Văn Lộc

Số : 16 /TT-HĐQT.MCF

Long An, ngày 11 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

“Về việc : Chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015”

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Căn cứ Điểm 1 Điều 45 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Mecofood, V/v “Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn...” để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Nhằm giúp việc lập và báo cáo đúng theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với Công ty đã niêm yết trên sàn, đồng thời để tạo điều kiện thuận lợi cho việc báo cáo theo mẫu biểu quy định của người đại diện quản lý vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần nhằm phục vụ tốt cho công tác hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam hàng năm.

Qua khảo sát và đánh giá một số đơn vị tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán độc lập, Công ty nhận thấy Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán được UBCK Nhà nước công nhận được phép kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán và là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam, đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác tư vấn tài chính kế toán-kiểm toán và sẽ giúp cho Công ty nâng cao được công tác quản lý kinh tế, tài chính và ngày càng hoàn thiện hơn công tác hạch toán kế toán và kiểm soát nội bộ.

Do đó, Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 cho Công ty.

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- TR. BKS;
- Lưu TCHC; TCKT



Lê Văn Lộc

Số 13 /TT-HĐQT.MCF

Long An, ngày 11 tháng 3 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc thực hiện thù lao HĐQT năm 2014 và kế hoạch thù lao năm 2015

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Căn cứ Khoản 7 Điều 25 của Điều lệ Công ty cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm (Mecofood) quy định V/v “*Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định*”.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Công ty cổ phần Xây lắp-Cơ khí và Lương thực Thực phẩm xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tổng mức chi thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, thư ký hội đồng năm 2014 là **338.065.000 đồng** (Ba trăm ba mươi tám triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng), trong đó phần được hạch toán vào chi phí trước khi tính thuế TNDN đối với thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, thư ký hội đồng trực tiếp tham gia quản lý điều hành Công ty là **274.205.000 đồng**.

Thực hiện Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính Phủ về Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu được Công ty vận dụng và xây dựng kế hoạch mức chi thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, thư ký HĐQT trong năm 2015 là **345.600.000 đồng** (Ba trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn)

Trong đó:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách thực hiện theo Quy chế trả lương của Công ty.

- Thù lao của Ủy viên HĐQT bằng 20% tiền lương Phó Tổng Giám đốc Công ty với số tiền là 4.600.000 đ/người/tháng.

- Thù lao của Trưởng ban kiểm soát bằng 20% tiền lương Kế toán trưởng Công ty với số tiền là 4.200.000 đ/tháng

- Thù lao của kiểm soát viên bằng 50% mức thù lao của Trưởng ban kiểm soát với số tiền là 2.100.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao cho thư ký HĐQT là 2.000.000 đồng/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 xem xét và phê duyệt để Công ty làm cơ sở thực hiện.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tr.BKS;
- Lưu TCHC; TCKT



Lê Văn Lộc



CÔNG TY CP XÂY LẬP-CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
Số 29 Nguyễn Thị Bảy, phường 6, Thành phố Tân An, Long An

**QUY CHẾ BẦU CỬ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2014 - 2018
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

– Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2005, số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

– Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát (nhiệm kỳ 2014-2018) theo các nội dung dưới đây:

ĐIỀU 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

ĐIỀU 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Kiểm soát (BKS)

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HDQT: (theo điều 110 Luật doanh nghiệp)

– Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp

– Có trình độ đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản trị Doanh nghiệp;

– Có hiểu biết Luật pháp;

– Có nhiều kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty;

– Có sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

– Là cổ đông hoặc là đại diện ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của cổ đông Công ty.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS: (theo điều 122 Luật doanh nghiệp)

- Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp
- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán-tài chính, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản trị Doanh nghiệp;
- Có hiểu biết Luật pháp;
- Có nhiều kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
- Có sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
- Là cổ đông hoặc là đại diện của cổ đông của Công ty.
- Không phải là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty.

ĐIỀU 3: Đề cử ứng cử viên HĐQT, BKS và số thành viên được bầu.

3.1- Đề cử ứng cử viên HĐQT thực hiện theo Khoản 2 Điều 24

3.2- Đề cử ứng cử viên BKS thực hiện theo Khoản 2 Điều 32

- Trong trường hợp số lượng ứng cử, đề cử không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên vào HĐQT và BKS.

3.3- Số lượng thành viên HĐQT và BKS được bầu.

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung là 01 thành viên. Số lượng thành viên BKS được bầu bổ sung là 01 thành viên.

ĐIỀU 4: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- **Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:** Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

- Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.

- + Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự;

+ Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu Hội đồng quản trị và phiếu bầu Ban Kiểm soát theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*);

+ Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

+ Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (*có giấy ủy quyền*), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

- Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- + Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;



+ Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

+ Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

ĐIỀU 5: Phương thức bầu cử

– Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

– Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền);

ĐIỀU 6: Tổ bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

Tổ bầu cử

– Tổ bầu cử do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

– Tổ bầu cử có trách nhiệm:

+ Thông qua thể lệ bầu cử;

+ Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;

+ Tiến hành kiểm phiếu;

+ Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

– Thành viên Tổ bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS;

Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

– Tổ bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

– Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

– Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

– Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Tổ trưởng tổ bầu cử công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 7: Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS

– Nguyên tắc bầu dồn phiếu: Theo hướng dẫn tại thể lệ bầu cử.

– Nguyên tắc trúng cử:

664038
CÔNG TY
PHẦN
HỮU
CƠ KHÍ
CÔNG THỰC
PHẨM
T. LONG

+ Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, người có phiếu bầu cao nhất sẽ trúng cử thành viên HĐQT (01 người), Ban kiểm soát (01 người).

+ Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng các ứng viên có số phiếu ngang nhau để chọn 01 người có số phiếu cao nhất.

+ Nếu sau hai lần bầu cử mà vẫn không chọn đủ số thành viên HĐQT và BKS theo yêu cầu thì ĐHĐCĐ có thể biểu quyết để khuyết thành viên HĐQT hoặc BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

ĐIỀU 8: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

– Sau khi kiểm phiếu, Tổ bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT và BKS;

– Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 9: Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 09 Điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lộc